

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp  
Đông Phúc, huyện Yên Dũng (tỷ lệ 1/2.000)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 177/BC-SXD ngày 29/3/2022; Ban quản lý các KCN tỉnh tại Tờ trình 14/TTr-KCN ngày 28/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Đông Phúc, huyện Yên Dũng (tỷ lệ 1/2.000), với các nội dung chính như sau:

**1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:**

a) Vị trí, ranh giới khu đất: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa

giới hành chính xã Tư Mại và xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; ranh giới cụ thể được giới hạn như sau:

+ Phía Đông Bắc: giáp đường huyện 7B (theo định hướng QHV huyện Yên Dũng)

+ Phía Tây Bắc: giáp đất canh tác nông nghiệp, dân cư hiện trạng thôn Tân Ninh, thôn Tư Mại và thôn Đồng Cao;

+ Phía Tây: giáp kênh tiêu N1 và hệ thống sông Cầu;

+ Phía Nam: giáp đất canh tác nông nghiệp, dân cư hiện trạng thôn Đồng Nhân và làng Hoàng Phúc.

*b) Quy mô lập quy hoạch:*

+ Quy mô diện tích lập quy hoạch KCN khoảng: 360ha.

+ Quy mô số lao động khoảng: 41.000 người.

## **2. Mục tiêu, tính chất quy hoạch:**

*a) Mục tiêu:*

- Cụ thể hóa định hướng phát triển Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quy hoạch vùng huyện Yên Dũng đã được phê duyệt.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng đối với các dự án trong KCN theo quy hoạch.

*b) Tính chất:*

- Là khu công nghiệp xanh, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường; Là khu công nghiệp tập trung, đa ngành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước; bao gồm các lĩnh vực ngành nghề sản xuất như:

+ Sản xuất, chế tạo thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, các sản phẩm công nghệ, kỹ thuật cao phục vụ các ngành điện tử, công nghệ thông tin...

+ Sản xuất, chế tạo cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị; Sản xuất hàng tiêu dùng (Không bao gồm các dự án thuộc ngành dệt may, da giày...).

## **3. Các chỉ tiêu về sử dụng đất và HTKT:**

Cơ cấu sử dụng đất và HTKT đảm bảo theo quy chuẩn hiện hành, cụ thể:

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>	
	- Đất giao thông	$\geq 10\%$
	- Đất cây xanh	$\geq 10\%$
	- Đất các khu kỹ thuật	$\geq 1\%$
<b>2</b>	<b>Các chỉ tiêu HTKT</b>	
	- Giao thông	$\geq 22,25m$

- Cấp điện sản xuất	$\geq 160$ kW/ha
- Cấp nước sản xuất:	Tối thiểu 20m <sup>3</sup> /ha/ng.đ
- Thoát nước bản, vệ sinh môi trường	
<i>Thoát nước</i>	$\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước
<i>Rác thải</i>	$\geq 0,3$ tấn/ha

Mật độ xây dựng (gộp) tối đa trong từng lô đất theo Quy chuẩn hiện hành.

#### **4. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

a) Phân khu chức năng: Bố trí đầy đủ các chức năng của KCN bao gồm các khu đất xây dựng: Nhà máy, xí nghiệp; hành chính, dịch vụ, kho vận, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, giao thông, bãi đỗ xe đảm bảo theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Phân tích tổng thể toàn bộ khu quy hoạch, nghiên cứu đấu nối với các khu chức năng lân cận, nhằm đề xuất hướng phát triển quy hoạch, kiến trúc cảnh quan hợp lý.

Yêu cầu tổ chức không gian các công trình hành chính, dịch vụ, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật và công trình nhà máy, kho tàng đảm bảo thuận tiện khi sử dụng. Lấy các công trình hành chính, dịch vụ, vườn hoa, cây xanh làm điểm nhấn cảnh quan cho toàn KCN.

Có giải pháp khoanh vùng nghĩa trang hiện trạng và mở rộng để di chuyển mộ nằm rải rác trong KCN, cải tạo, trồng cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường, bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp với chiều rộng  $\geq 10$ m.

Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất và trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

#### **5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng:**

Nguyên tắc: Các hệ thống đường ống, đường dây bố trí ngầm hóa, kết nối với các công trình hạ tầng trong khu vực, đảm bảo công suất.

a) Hệ thống giao thông

Nghiên cứu đấu nối quy hoạch với khu vực xung quanh.

Giao thông nội bộ phải đảm bảo liên hoàn, thuận tiện.

Xác định vị trí, quy mô bãi đỗ xe, xưởng sửa chữa trong khu quy hoạch.

b) San nền và hệ thống thoát nước mưa

Căn cứ Đồ án quy hoạch vùng huyện Yên Dũng đã được phê duyệt, cao độ hiện trạng dân cư và các dự án của khu vực lân cận để xác định cao độ giao thông, san nền phù hợp.

Bố trí hệ thống thu gom nước mặt đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu công nghiệp có giải pháp và đầu nối phù hợp với các hệ thống thoát nước chung của khu vực (hệ thống kênh, mương thoát nước; hệ thống Trạm bơm tiêu nước); thiết kế hoàn trả các kênh tiêu nông nghiệp, đảm bảo tiêu thoát nước.

c) Quy hoạch cấp nước: Xác định nhu cầu và tiêu chuẩn dùng nước, nguồn nước, mạng phân phối, hạng cứu hỏa...

d) Hệ thống thoát nước thải: Yêu cầu hệ thống thoát nước thải và nước mưa riêng biệt. Nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đạt cột A theo Quy chuẩn về môi trường trước khi xả vào môi trường.

e) Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác bao gồm cấp điện, thông tin liên lạc, thu gom chất thải rắn: Đảm bảo công suất cho khu công nghiệp, hiện đại, đảm bảo môi trường.

f) Cắm mốc đường đỏ: Xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và các mốc tọa độ theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực tỉnh Bắc Giang.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Xác định các nguồn gây ô nhiễm trong khu ở và các khu vực có nguy cơ ô nhiễm và suy thoái môi trường.

- Các khu cách ly, bảo vệ (công viên, khu di tích văn hoá, lịch sử, lưu vực nguồn nước) và các khu nhạy cảm môi trường.

**6. Quy định quản lý và thiết kế cảnh quan KCN:** Dự thảo quy định quản lý theo đề án QHPK: Đảm bảo nội dung theo Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính Phủ.

### **7. Hồ sơ sản phẩm và chi phí lập quy hoạch:**

Hồ sơ sản phẩm đề án và quy cách thể hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Chi phí lập quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

### **8. Tổ chức, kế hoạch, kinh phí thực hiện:**

a) *Tổ chức thực hiện.*

- Cơ quan cơ phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang;

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang;

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

b) *Kế hoạch thực hiện:* Thời gian hoàn thành đề án không quá 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

c) *Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:*

- Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng **2.480.385.300** đồng.

*(Hai tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm đồng)*

- Nguồn vốn: Vốn tài trợ của doanh nghiệp.

**Điều 2.** Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**